

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2025/DS-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Hồng Trang.
- Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1971, bà Trần Thị Thúy L, sinh năm 1974, cùng cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, cư trú tại: Ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 01 năm 2025), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 và bà Võ Thị Thúy H1, sinh năm 1978, cư trú tại: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp H, xã P, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983, cư trú tại: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 7 năm 2024), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Bùi Thị Như Q1, sinh năm 1998, cư trú tại: Số A L, phường T,

quận B, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ), vắng mặt.

3.2. Ông Võ Văn O, sinh năm 1956, cư trú tại: Ấp H, xã H, huyện T (nay là xã P), tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983, cư trú tại: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn O (văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 8 năm 2025), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Khoảng 20 giờ ngày 09/6/2024 tại Quốc lộ 22B thuộc khu vực ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, ông Nguyễn Văn H điều khiển xe ô tô biển số 70C-035.17 trên xe có bà Võ Thị Thúy H1 hướng từ thị trấn T đến thành phố T lần qua phần đường ngược chiều nên xảy ra tai nạn với xe ô tô biển số 70A-362.55 do ông Bùi Đức Q điều khiển theo chiều ngược lại, trên xe có bà Trần Thị Thúy L. Hậu quả 02 phương tiện bị hư hỏng không thể tiếp tục tham gia giao thông, phải thuê xe vận chuyển; các bên không bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe. Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T đến hiện trường và cho các bên thỏa thuận dân sự nội dung ông H, bà H1 đưa trước cho ông Q, bà L số tiền 50.000.000 đồng để sửa chữa xe, nếu thiếu thì ông H sẽ trả tiếp, nếu dư thì ông Q sẽ trả lại cho ông H. Ông Q, bà L đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng ngày 09/6/2024.

Ông Q, bà L thực hiện sửa chữa xe tại Garage ô tô T1 số tiền 27.800.000 đồng, mua phụ tùng thay thế Công ty TNHH ô tô V số tiền 61.971.800 đồng, thuê xe dịch vụ của ông Nguyễn Văn T để vận chuyển phụ tùng số tiền 1.500.000 đồng, gửi phụ tùng xe khách Đồng Phước số tiền 500.000 đồng. Tổng cộng 91.771.800 đồng, tính tròn 91.770.000 đồng. Sau khi kết thúc việc sửa chữa xe, ông Q, bà L thông báo cho ông H, bà H1 số tiền, hình ảnh hóa đơn mua hàng, thanh toán nhưng ông H, bà H1 không trả lời.

Nay ông Q, bà L yêu cầu ông H, bà H1 bồi thường thiệt hại chi phí sửa chữa phương tiện số tiền 41.770.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/7/2024 đến khi xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn – anh Nguyễn Văn N trình bày:

Tai nạn xảy ra 02 phương tiện đều bị hư hỏng, ông H, bà H1 cũng phải sửa chữa xe của mình. Ông H, bà H1 đã thanh toán cho ông Q, bà L số tiền 50.000.000 đồng chi phí sửa chữa xe. Tuy nhiên việc thay thế, sửa chữa thực tế thấp hơn số tiền ông Q, bà L trình bày. Ông H, bà H1 không đồng ý trả số tiền 41.770.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện. Ông bà đồng ý trả thanh toán chi phí mua phụ tùng, tiền công thay thế thực tế. Đối với chi phí vận chuyển, ông bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Bùi Thị Như Q1 trình bày:

Ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L là cha mẹ ruột của chị. Xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, biển số 70A-362.55 là tài sản của chị mua năm 2022 được Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 70014981 ngày 28/4/2022. Chị giao xe ô tô trên cho ông Q, bà L sử dụng, việc giao xe không lập thành văn bản. Ông Q được cấp giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Ngày 09/6/2023, ông Q trực tiếp điều khiển xe ô tô trên và xảy ra tai nạn với xe ô tô do ông H điều khiển. Chị không biết diễn biến, quá trình sự việc xảy ra tai nạn. Ông Q, bà L có thông báo việc xe bị hư hỏng nhưng thiệt hại thực tế như thế nào chị không biết. Ông Q, bà L tự sửa chữa, khắc phục hư hỏng đối với xe ô tô trên, chị không biết chi tiết, tổng chi phí sửa chữa là bao nhiêu tiền. Mọi việc liên quan thỏa thuận dân sự bồi thường do ông Q, bà L xử lý.

Ông Q, bà L yêu cầu ông H, bà H1 bồi thường thiệt hại chi phí sửa chữa phương tiện số tiền 41.770.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/7/2024 đến khi xét xử sơ thẩm vụ án, chị không có ý kiến.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn O – anh Nguyễn Văn N trình bày: Ông Võ Văn O là chủ sở hữu xe ô tô do ông H, bà H1 điều khiển và xảy ra tai nạn với xe ô tô của ông Q, bà L. Ông Q, bà L khởi kiện ông H, bà H1 yêu cầu bồi thường thiệt hại, ông O không liên quan. Đối với hư hỏng thiệt hại đối với xe ô tô, ông O không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ông yêu cầu ông Q, bà L có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 70C-035.17.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn D trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền 41.770.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/7/2024 đến khi xét xử sơ thẩm vụ án.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Nguyễn Văn N trình bày: Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do nguyên đơn sửa chữa xe tại Garage ô tô T1 không có sự đồng ý của bị đơn. Xem xét thẩm định tại chỗ có phụ tùng không hư hỏng, không được tìm thấy đã hư hỏng nhưng nguyên đơn thay mới không đúng với thực tế như trục lái trái, bát bèo trước trái, Rutin thanh giằng, cảm biến bánh trước trái, bạc đạn trước trái, cần Ro tuyen lái trong, miếng chặn, nắp chắn bùn trước trái, cáp cuộn tiếp xúc, số tiền 20.454.000 đồng, thuế VAT số tiền 163.632 đồng, tổng cộng 20.617.632 đồng.

Việc mua phụ tùng của Trung tâm ô tô V bao gồm giá bán và chi phí vận chuyển được ghi trong hóa đơn bán hàng. Ông Q, bà L thuê ông Nguyễn Văn T vận chuyển phụ tùng số tiền 1.500.000 đồng không thông báo cho ông H, bà H1. 02 hóa đơn của Garage ô tô T1 ghi ngày 06/7/2024 thể hiện nội dung thay 02 bộ bước số tiền 2.500.000 đồng và chi phí công rã ráp máy gầm, nhót hộp số, dầu thắng, sơn, xóa lỗi số tiền 25.000.000 đồng. Tuy nhiên khi xảy ra tai nạn va chạm phần trước bên trái, bị đơn đồng ý thay 01 bộ bước số tiền 1.250.000 đồng, tiền công 300.000 đồng, tổng cộng 1.550.000 đồng. Mặt khác chi phí rã ráp bị

tính tiền công 02 lần. Ngoài ra, xe ô tô được thay thế phụ tùng, không sửa chữa nên việc làm đồng, sơn xe số tiền 6.000.000 đồng là không phù hợp. Tổng cộng, bị đơn chấp nhận chi phí gồm: Công rã ráp số tiền 10.000.000 đồng, chi phí mua và thay 01 bộ bước số tiền 1.550.000 đồng, hóa đơn mua phụ tùng Trung tâm ô tô V số tiền 38.075.288 đồng; tổng cộng 49.625.288 đồng. Bị đơn đã thanh toán số tiền 50.000.000 đồng nên không đồng ý trả số tiền 41.770.000 đồng và tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, lập hồ sơ vụ án theo quy định; xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng không có lý do.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L đối với ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”. Buộc ông H, bà H1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Q, bà L số tiền 41.770.000 đồng khấu trừ chi phí không hợp lý, không có hóa đơn chứng từ, không bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Q, bà L đối với ông H, bà H1 về bồi thường thiệt hại đối với số tiền chi phí không hợp lý, không có hóa đơn chứng từ và mua theo cặp nhưng không hư hỏng, không phải sửa chữa, thay thế.

- Về chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Như Q1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét

xử tiền hành xét xử vắng mặt đối với chị Q1.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L khởi kiện ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1, địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh bồi thường chi phí sửa chữa phương tiện bị hư hỏng và tiền lãi. Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại: Các đương sự thừa nhận sự việc tai nạn giao thông xảy ra ngày 09/6/2024 tại Quốc lộ 22B thuộc khu vực ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh giữa xe ô tô số 70C-035.17 của ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1 điều khiển xe với xe ô tô biển số 70A-362.55 của ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L. Biên bản thỏa thuận ghi ngày 09/6/2024 giữa các bên có nội dung *“Phía bên gia đình anh H có hỗ trợ tiền sửa xe với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)”* và *“Bên gia đình anh Q có nhận trước số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) khi nào hoàn chỉnh có thiếu hụt thì bên gia đình anh H sẽ tiếp tục trả đủ tiền cho gara. Hai bên gia đình đồng ý nếu gara không sửa chữa được thì đem xuống hãng xe để sửa chữa đến khi hoàn chỉnh. Nếu có dư thì gia đình anh Q sẽ hoàn trả lại cho gia đình anh H”*. Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trên biên bản thỏa thuận là của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Sự việc xảy ra tai nạn 02 phương tiện đều bị hư hỏng, thiệt hại tuy nhiên các bên thỏa thuận nghĩa vụ sửa chữa đối với xe ô tô biển số 70A-362.55, không thỏa thuận nghĩa vụ sửa chữa đối với xe ô tô biển số 70C-035.17. Hội đồng xét xử xác định hành vi điều khiển phương tiện gây tai nạn nguyên nhân lỗi do ông H, bà H1.

[4] Xác định thiệt hại: Bị đơn trình bày việc nguyên đơn sửa chữa xe tại Garage ô tô T1, thuê xe vận chuyển không có sự đồng ý của bị đơn; một số phụ tùng không hư hỏng và không được thay thế như hóa đơn mua hàng của Công ty TNHH ô tô V, không đồng ý việc thay 01 bộ bước, tiền công làm đồng, sơn xe và cho rằng chí phí rã ráp bị tính tiền công 02 lần.

Xét thấy: Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH ô tô V ngày 17/6/2024, ngày 24/6/2024, ngày 06/7/2024 thể hiện bên bán là Công ty TNHH ô tô V, bên mua Bùi Thị Như Q1, tài sản mua bán là phụ tùng xe ô tô, tổng số tiền 64.621.800 đồng. Tuy nhiên những hóa đơn trên thể hiện số lượng, chủng loại, đơn giá phụ tùng mua bán, không bao gồm chi phí vận chuyển. Đồng thời, ông Nguyễn Văn T thừa nhận ngày 17/6/2024 được ông Q, bà L thuê xe để vận chuyển phụ tùng xe ô tô như mô tả trong hóa đơn mua hàng từ Công ty TNHH ô tô V đến garage ô tô T1 số tiền 1.500.000 đồng.

Biên bản làm việc với ông Võ Phúc H3 – chủ garage T1 xác định khoảng tháng 7/2024, ông Q, bà L, ông H, bà H1 đến garage của ông để sửa chữa xe ô tô

biển số 70A-362.55 bị hư hỏng do tai nạn giao thông. Các bên thỏa thuận sửa chữa tại garage T1, chi phí sửa chữa, thay thế do ông H, bà H1 thanh toán. Tuy nhiên sau khi ông kiểm tra, thông báo chi phí sửa chữa thì được thông báo về việc ông H, bà H1 cho rằng chi phí sửa chữa cao. Ông Q, bà L đã đặt mua linh kiện, phụ tùng của hãng xe để ông sửa chữa xe ô tô trên. Toàn bộ phụ tùng, vật tư, linh kiện được mô tả trong các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH ô tô V được ông thay thế, lắp ráp cho xe ô tô biển số 70A-362.55, trừ 01 lớp xe. Chi phí thay thế, lắp ráp tổng cộng số tiền 27.800.000 đồng, ông Q và bà L đã thanh toán đủ cho ông. Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận sau khi xảy ra tai nạn, các bên có đến garage của ông H3 để trao đổi, bàn bạc về việc sửa chữa phương tiện.

Các bên có thỏa thuận về địa điểm, nghĩa vụ thanh toán sửa chữa phương tiện bị hư hỏng. Cụ thể ông H, bà H1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ chi phí sửa chữa đối với xe ô tô biển số 70A-362.55. Đối với tiền công rã ráp tại hóa đơn ghi ngày 06/7/2024 thể hiện gồm “Công rã ráp máy gầm” và “Phân làm đồng + rã ráp”, đây là chi phí tháo rã, lắp ráp đối với 02 giai đoạn sửa chữa khác nhau. Bị đơn trình bày các bên không thỏa thuận việc sửa chữa phương tiện tại Garage ô tô T1 và không đồng ý một phần với hóa đơn mua phụ tùng, biên nhận tiền vận chuyển, chi phí tiền công thay thế, tháo rã lắp ráp tính 02 lần là không có căn cứ.

Căn cứ giấy xác nhận, hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định tổn thất thực tế về vật chất, khắc phục thiệt hại đối với xe ô tô biển số 70A-362.55 gồm:

- Chi phí mua phụ tùng tại Công ty TNHH ô tô V số tiền 64.621.800 – 2.650.000 đồng (giá trị 01 lớp xe) = 61.971.800 đồng.
- Chi phí vận chuyển phụ tùng số tiền 1.500.000 đồng.
- Chi phí thay thế, lắp ráp phụ tùng số tiền 27.800.000 đồng.

Tổng cộng 91.271.800 đồng. Ghi nhận ông H, bà H1 đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng; buộc ông H, bà H1 có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường số tiền 41.271.800 đồng.

Chi phí vận chuyển phụ tùng xe khách Đồng Phước, ngoài lời trình bày, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc bồi thường số tiền 41.770.000 đồng – 41.271.800 = 498.200 đồng.

[5] Yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn đã thanh toán toàn bộ chi phí sửa chữa phương tiện hoàn chỉnh ngày 06/7/2024. Bị đơn có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Các bên không có thỏa thuận về lãi suất, căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/7/2024 là có căn cứ. Ông H, bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền 41.271.800 đồng x 01 năm 02 tháng 17 ngày x 0,83%/tháng = 4.989.898 đồng, tính tròn 4.989.900 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Q, bà L số tiền 498.200 đồng x 01

năm 02 tháng 17 ngày x 0,83%/tháng = 60.234 đồng, tính tròn 60.200 đồng.

[6] Ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L đồng ý trả cho ông Võ Văn O 01 (một) bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009851, nhãn hiệu Toyota biển số 70C-035.17, số khung MR0FZ29G90, số máy 1KDA292579 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Tây Ninh cấp 11/11/2013.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.000.000 đồng. Ghi nhận bị đơn đã nộp tạm ứng đủ chi phí tố tụng.

[8] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông H, bà H1 phải chịu 46.261.700 đồng x 05% = 2.313.085 đồng, tính tròn 2.313.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Q, bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng khấu trừ 1.044.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 357, 468, 584, 585, 589 và 601 của Bộ luật Dân sự; các điều 147, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L đối với ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

1. Buộc Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L số tiền 41.271.800 đồng; tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền 4.989.900 đồng; tổng cộng 46.261.700 (bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm) đồng.

Kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L đối với ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1 về việc bồi thường thiệt hại số tiền 498.200 đồng, tiền lãi số tiền 60.200 đồng; tổng cộng 558.400 (năm trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm) đồng.

3. Ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn O 01 (một) bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009851, nhãn hiệu Toyota biển số 70C-035.17, số khung MR0FZ29G90, số máy 1KDA292579 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Tây Ninh cấp 11/11/2013 cho ông O

4. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1 phải chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng. Ghi nhận ông H, bà H1 đã nộp đủ chi phí tố tụng.

5. Án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1 phải chịu 2.313.000 (hai triệu ba trăm mười ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.044.000 đồng theo biên lai số 0005184 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh); ông Q, bà L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 744.000 (bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Ông Bùi Đức Q, bà Trần Thị Thúy L, ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thúy H1, ông Võ Văn O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Như Q1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Hải